

Bản án số: 130/2020/HS - PT.

Ngày: 28 - 9 - 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Thông.

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 28/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 212/2020/TLPT-HS ngày 26/8/2020 đối với bị cáo Trần Ngọc Đ cùng các đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc Đ, Trần Ngọc Đ1, Trần Ngọc T2; kháng cáo của ông Trần Ngọc T1 là người bào chữa và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 31A/2020/HS-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang;

*** Các bị cáo kháng cáo:**

1. Họ và tên: **Trần Ngọc Đ**, sinh năm 1995; Tên gọi khác: Không;
Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện Y, tỉnh B;
Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam;
Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;
Con ông: Trần Ngọc T1, sinh năm 1964;
Con bà: Hoàng Thị B, sinh năm 1969;
Gia đình có 3 anh em, bị cáo là thứ nhất;
Vợ: Vi Thị S, sinh năm 1988; Có 01 con sinh năm 2019;
Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;
Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2017 đến ngày 13/2/2018, hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Trần Ngọc Đ1**, sinh năm 1997; Tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện Y, tỉnh B;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam;
Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Trần Ngọc T1, sinh năm 1964;

Con bà: Hoàng Thị B, sinh năm 1969;

Gia đình có 3 anh em, bị cáo là thứ hai;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2017 đến ngày 13/2/2018, hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên toà).

3. Họ và tên: **Trần Ngọc T2**, sinh ngày 19/6/1999; Tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện Y, tỉnh B;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam;
Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Trần Ngọc T1, sinh năm 1964;

Con bà: Hoàng Thị B, sinh năm 1969;

Gia đình có 3 anh em, bị cáo là thứ ba;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/10/2019 đến ngày 16/7/2020 được trả tự do, hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên toà).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan kháng cáo:**

Ông Trần Ngọc T1, sinh năm 1964 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Y, tỉnh B.

Trong vụ án còn có 01 bị cáo khác, 03 người bị hại và 06 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ, ngày 18/10/2017 Trần Ngọc Đ1, sinh năm 1997 cùng em trai là Trần Ngọc T2, sinh năm 1999 đều trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện Y, tỉnh B đi xe mô tô BKS 98B2- 553.45 đến quán cà phê H ở ki ốt số 20 chợ Neo, thuộc Tiểu khu 3, thị trấn Neo(nay là thị trấn Nham Biền) huyện Yên Dũng do anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984 là chủ quán để uống nước. Tại quán Đ1 gặp Nguyễn Văn T3, sinh năm 1996, ở thôn Đ (nay là tổ dân phố Đ), xã N (nay là thị trấn N), huyện Y, mọi người ngồi uống nước. Khoảng 16 giờ 50 phút cùng ngày, T3 về trước, còn T2 và Đ1 đi ra sau. Khi đến cửa quán Đ1 nghe điện thoại. Cùng lúc này, Trần Ngọc K, sinh năm

1990 ở thôn A, xã C, huyện Y, Ong Xuân N, sinh năm 1990, ở thôn D, xã C và Hoàng Hữu T5, sinh năm 1993 ở Tiểu khu 4 (nay là tổ dân phố 4), thị trấn Neo (nay là thị trấn N), huyện Y đi cùng trên xe mô tô BKS 98G1- 003.71 đến cửa quán. N thấy Đ1 đứng ở trước cửa quán cà phê H nên đến dùng tay đánh Đ1, thấy N đánh Đ1 nên T5 và K cũng xông đến dùng tay, chân đánh Đ1. Bị đánh nên Đ1 và T2 bỏ chạy về phía cổng phụ chợ Neo. Thấy Đ1 và T2 bỏ chạy K, N và T5 đi vào quán cà phê uống nước. Sau đó, Phạm Văn Đ3, sinh năm 1994, Ngô Văn T6, sinh năm 1994 cùng ở thôn D, xã C, huyện Y; Hán Văn C, sinh năm 1994 ở thôn A, xã C, huyện Y và Trần Văn H1, sinh năm 1991 ở thôn A, xã C, huyện Y đến uống nước cùng K, T5 và N. Khoảng 10 phút N về trước còn K, T6, H1, C và T5 tiếp tục ngồi uống nước.

Đối với Đ1, sau khi bị đánh bỏ chạy đến khu vực cổng chợ Neo. Đ1 điện thoại cho Nguyễn Văn T3, sinh năm 1999 ở thôn Đ(nay là tổ dân phố Đ,xã N) (nay là thị trấn N) và anh trai là Trần Ngọc Đ, thông báo cho T3 và Đ biết mình vừa bị nhóm thanh niên đánh, đồng thời bảo T3 và Đ đến khu vực chợ Neo để đánh lại nhóm thanh niên đó. Trong khi chờ T3 và Đ đến Đ1 và T2 gặp Dương Văn L, sinh năm 1996 ở thôn H, xã Y, huyện Y làm nghề kinh doanh quần áo tại chợ Neo, biết Đ1 bị đánh nên L bảo Đ1 và T2 đi vào cửa hàng của L. Khoảng 15 phút sau, T3 gặp Đ1 và T2. T3 đi vào chợ Neo mua 01 con dao nhọn loại dao phóng lợn làm hung khí rồi quay lại, một lúc sau Trần Ngọc Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA- Sirius, BKS 98B2- 828.84, đem theo 02 con dao nhọn đến. Đ để xe mô tô ven đường phía ngoài cổng chợ đi gặp T3, Đ1 và T2. Trong khi Đ, Đ1, T3 và T2 đang ở cửa hàng của L có Nguyễn Văn T7, sinh năm 1993 ở thôn Kem (nay là tổ dân phố Kem) xã Nham Sơn (nay là thị trấn Nham Biền) và Trần Xuân D, sinh năm 1990 ở tiểu khu 6 (nay là tổ dân phố 6), thị trấn Neo (nay là thị trấn Nham Biền) đến. Thấy T7 và D đến, L bảo T7, D đi cùng T3, Đ, Đ1 và T2 xem ai đánh Đ1 để can ngăn. T7, D, T3, Đ, Đ1 và T2 đi đến quán cà phê H. Khi đó Đ1 lấy chiếc gậy bằng kim loại dài khoảng 45 cm, T2 lấy 01 con dao ở cửa hàng L đem theo. Đến quán nhà anh H thấy nhóm thanh niên trong đó có Trần Đức K, Phạm Văn Đ3 cùng một số bạn bè đang ngồi uống nước trong quán. Thấy vậy, Đ cầm 01 con dao, Đ1 cầm chiếc gậy kim loại cùng Trần Văn D đi vào quán, T2 và T3 cầm dao đứng ở cửa quán. Thấy Đ cầm dao, Đ1 cầm gậy nên nhóm của Trần Đức K và Phạm Văn Đ3 đứng dậy dùng bàn ghế và cốc thủy tinh ném về phía nhóm của Đ. T2 cầm dao đứng ở cửa quán, Đ cầm dao nhọn có chuôi màu trắng đem theo xông đến chém nhiều nhát vào người Phạm Văn Đ3 và anh Trần Đức K làm K và Đ3 bị thương tích. Đ1 cầm gậy chặn đánh Trần Đức H1. Nhóm của K và Đ3 sử dụng các vật dụng có trong quán như: Cốc thủy tinh, bàn nhựa... ném về phía Đ, Đ1 và D để chống trả, Hoàng Hữu T5 cầm thanh kiếm có vỏ màu đen và một số đối tượng đuổi theo. Thấy vậy, Đ, Đ1, T2, D, T3 và T7 bỏ chạy ra ngoài. T2 đưa dao cho D rồi cùng mọi người bỏ chạy về phía cổng phụ chợ Neo. Đ chạy đến lấy xe

mô tô BKS 98B2- 553.45 (do Đ1 và T2 đi đến lúc đầu) điều khiển bỏ chạy. Đ và T3 gặp nhau cùng đi đến khu vực trước cửa hiệu sách San Hương thuộc Tiểu khu 3 (nay là tổ dân phố 3), thị trấn Neo (nay là thị trấn Nham Biền). Đ cầm con dao vừa sử dụng gây thương tích cho K và Đ3 vút ở sườn đường bên phải theo hướng đi từ thị trấn Neo (nay là thị trấn Nham Biền) đi xã Nham Sơn (nay là thị trấn Nham Biền). T3 cầm con dao nhọn mà T3 mua trước đó vút đi. Đ và T3 đi đến khu vực cây xăng thị trấn Neo (nay là thị trấn Nham Biền) đón T2 và Đ1. Lúc này Đ điều khiển xe mô tô BKS 98B2-553.45 chở T3, Đ1 và T2 đến nhà anh Nguyễn Văn Tuyến, sinh năm 1984 ở thôn Tân Sơn 2, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng thay áo khoác để lại nhà anh Tuyến, còn 01 con dao Đ cất giấu tại khu vực nhà làm bánh mỳ của anh Tuyến. Đ1 và T2 điều khiển xe mô tô BKS 98B2- 553.45 đi về nhà ở thôn N, xã Đ, huyện Y thay quần áo.

Anh Phạm Văn Đ3 và anh Trần Đức K sau khi bị chém gây thương tích, được mọi người đưa đi Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang điều trị:

Anh Trần Đức K điều trị ở bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang từ ngày 18/10/2017 đến ngày 01/11/2017 ra viện với thương tích: Đau hạn chế vận động cẳng tay phải; Vết thương mu bàn tay phải kích thước 6 x3 cm lóc da đứt gân xương bàn tay phức tạp. Vết thương đỉnh đầu kích thước 5 x 2 cm chảy máu nhiều; CT Scanner sọ não; Hiện không thấy hình ảnh tổn thương trên phim sọ não; Gãy nền xương bàn III; IV; V bàn tay phải.

Anh Phạm Văn Đ3 điều trị ở Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang từ ngày 18/10/2017 đến ngày 23/10/2017 ra viện với thương tích: Đau hạn chế vận động cẳng tay trái; Vết thương phức tạp cẳng tay trái lộ xương gãy gần đứt; Nhiều vết thương vùng lưng kích thước 2 x1 cm; XQ: Gãy phức tạp 1/3 dưới xương trụ trái.

Tại bản kết luận giám định pháp y số: 7982/17/TgT, ngày 25/10/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Bắc Giang kết luận: “*Phạm Văn Đ3 bị tổn hại sức khỏe là 14%, thương tích do vật sắc gây nên*”.

Tại bản kết luận giám định pháp y số: 7983/2017/TgT, ngày 25/10/2017 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bắc Giang kết luận: “*Trần Đức K bị tổn hại sức khỏe là 22%, thương tích do vật sắc gây nên*”.

Khám nghiệm hiện trường Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ tại hiện trường: 01 xe mô tô nhãn hiệu Hon da Wave, màu đen, biển kiểm soát 98G1- 003.71; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, BKS 98B1- 394.03; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, BKS 29P1- 276.37; 01 thanh kiếm dài 72 cm, chỗ rộng nhất 3,2cm, chuôi màu đen và 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius BKS 98B2- 828.84, bên trong có 01 túi sách, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 6, 01 giấy phép lái xe mang tên Trần Ngọc Đ, 01 đăng ký xe mô tô mang tên Trần Ngọc Đ. Thu giữ tại khu vực trước cửa hàng San Hương thuộc Tiểu khu 3 (nay là tổ dân phố 3), thị trấn

Neo (nay là thị trấn Nham Biền) 01 con dao dài 47 cm, chuôi dao bằng nhựa màu trắng, đầu mũi dao sắc nhọn, chỗ rộng nhất của dao là 06 cm; 01 con dao dài 34 cm, chuôi dao bằng gỗ, đầu mũi dao sắc nhọn là tang vật Nguyễn Văn T3 và Trần Ngọc Đ sử dụng làm hung khí.

Ngày 19/10/2017, Cơ quan điều tra thu giữ tại nhà ông Trần Ngọc T1, sinh năm 1964; Cư trú tại: Thôn Nam, xã Đồng Việt, huyện Yên Dũng là bố đẻ các bị cáo Đ, Đ1 và T2: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ- đen BKS 98B2- 553.45, 01 con dao gấp được làm bằng kim loại, màu đen trắng, mũi dao nhọn, dao có chiều dài khi duỗi thẳng là 20 cm, 01 áo bò màu xanh, 01 quần vải màu nâu có hoa văn kẻ ô vuông, 01 Đ1i giày thể thao màu xanh trắng nhãn hiệu ADIDAS, 01 quần thể thao màu đen, có sọc kẻ màu da cam, 01 áo khoác có hoa văn, kiểu hoa màu xám là phương tiện, đồ vật và trang phục Trần Ngọc Đ1 và Trần Ngọc T2 sử dụng.

Ngày 19/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng thu giữ tại nhà anh Nguyễn Văn Tuyền, sinh năm 1984; Cư trú tại: Thôn Tân Sơn 2, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng: 01 con dao dài 39 cm, chuôi dao bằng gỗ, đầu mũi dao sắc nhọn, 01 áo bò nam dài tay và 01 áo khoác màu đỏ thẫm do Trần Ngọc Đ và Nguyễn Văn T3 sử dụng để lại nhà anh Tuyền.

Tại bản cáo trạng số: 29/CT-VKSXD ngày 03/5/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng đã truy tố các bị cáo Trần Ngọc Đ, Trần Ngọc Đ1, Trần Ngọc T2 và Nguyễn Văn T3 về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. (Thuộc các trường hợp dùng hung khí nguy hiểm, phạm tội đối với nhiều người và có tính chất côn đồ quy định tại các điểm a, c, I khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999).

Bản án hình sự sơ thẩm số: 31A/2020/HS-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 đối với các bị cáo.

Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc Đ, Trần Ngọc Đ1 và Trần Ngọc T2 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc Đ 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 19/10/2017 đến ngày 13/02/2018.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc Đ1 02 (hai) năm 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 19/10/2017 đến ngày 13/02/2018.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T2 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Ngọc T2 cho Ủy ban nhân dân xã Đồng Việt, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra bản án còn tuyên xử phạt đối với bị cáo khác, trách nhiệm bồi thường dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, lãi suất chậm thi hành án, xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/7/2020, bị cáo Trần Ngọc Đ1 nộp đơn kháng cáo, ngày 28/7/2020 bị cáo Trần Ngọc T2 nộp đơn kháng cáo. Các bị cáo đều kháng cáo cho rằng không phạm tội “ Cố ý gây thương tích” như án sơ thẩm xét xử.

Ngày 28/7/2020 bị cáo Trần Ngọc Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 28/8/2020 ông Trần Ngọc T1 là người bào chữa và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo Trần Ngọc Đ được hưởng án treo. Đề nghị Toà phúc thẩm xem xét lại vụ án đối với Trần Ngọc Đ1 và Trần Ngọc T2 bị oan không có tội.

Tại phiên toà phúc thẩm ông Trần Ngọc T1 là người bào chữa và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày ông không tham gia bào chữa cho các bị cáo tại cấp phúc thẩm và xin rút toàn bộ nội dung đã kháng cáo.

Các bị cáo Trần Ngọc Đ1, Trần Ngọc T2, Trần Ngọc Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do:

Bị cáo Trần Ngọc Đ1 trình bày: Bị cáo có cầm gậy sắt vụt vào người nhưng không rõ là ai, không gây ra thương tích cho ai. Bị cáo không phạm tội như toà sơ thẩm quy kết, bị cáo không điện thoại cho bị cáo Đ đến đánh lại nhóm thanh niên mà mục đích chỉ điện thoại để bị cáo Đ đến lấy xe máy bị cáo để tại quán cà phê. Quá trình cơ quan điều tra làm việc, bị cáo bị Điều tra viên đánh, ép cung bị cáo.

Bị cáo Trần Ngọc T2 trình bày: Bị cáo có cầm dao đến quán cà phê “ H” nhưng không có mục đích đâm chém ai mà bị cáo chỉ đến đó lấy xe máy, bị cáo bị Điều tra viên bắt ký không vào tờ giấy trắng.

Bị cáo Trần Ngọc Đ trình bày: Án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “ Cố ý gây thương tích” là đúng người, đúng tội không oan sai. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, con còn nhỏ, vợ ốm đau, bệnh tật. Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật đã khai báo T2 khẩn, ăn năn hối cải, đã bồi thường cho anh Đ3 và anh K mỗi người 15.000.000đồng.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà các bị cáo nêu ra đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 348 Bộ luật tố tụng Hình sự; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Trần Ngọc T1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc Đ1, Trần Ngọc T2, Trần Ngọc Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Trần Ngọc Đ1 tranh luận: Bị cáo không gây ra thương tích cho ai, không điện thoại cho bị cáo Đ đến đánh trả thù, mục đích đến là để lấy xe máy. Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra không được tự nguyện mà do ép cung, đề nghị điều tra làm rõ những người đã đánh bị cáo trước.

Bị cáo Trần Ngọc T2 tranh luận: Bị cáo có cầm dao nhưng không chém ai, chỉ cầm dao đứng ở cửa quán, chưa đánh ai và chặn đánh ai, bị cáo không đi mua khẩu trang. Bị cáo Trần Ngọc Đ tranh luận:

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Đôi đáp của đại diện VKS: Đối với ý kiến tranh luận của bị cáo Đ1 và bị cáo T2: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai bị hại, nhân chứng các kết luận giám định... Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đối với bị cáo Đ cho rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đề nghị được hưởng án treo, Viện kiểm sát thấy các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo đã được caps sơ thẩm xem xét áp dụng. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp gây thương tích cho nhiều người, có tính chất côn đồ và dùng hung khí nguy hiểm, căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao quy định thì bị cáo không được hưởng án treo.

Kết thúc tranh luận các bên giữ nguyên quan điểm của mình.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Trần Ngọc Đ1 và Trần Ngọc T2: Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Bị cáo Trần Ngọc Đ: Bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc Đ1, Trần Ngọc T2, Trần Ngọc Đ và ông Trần Ngọc T1 là người bào chữa và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được làm trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo và của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Ngọc T1 là người bào chữa và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã xin rút toàn bộ kháng cáo. Xét thấy, việc rút kháng cáo của ông Trần Ngọc T1 tại phiên tòa phúc thẩm là tự nguyện không bị ép buộc, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng Hình sự; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Trần Ngọc T1.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Ngọc Đ1, Trần Ngọc T2, Trần Ngọc Đ thì thấy: Khoảng 17 giờ ngày 18/10/2017, sau khi bị đánh Trần Ngọc T2, Trần Ngọc Đ1 bỏ chạy, Đ1 gọi điện cho Trần Ngọc Đ, Nguyễn Văn T3 đến tìm các đối tượng đánh Đ1 trước đó. Trần Ngọc Đ mang theo 02 con dao, Nguyễn Văn T3 mang theo 01 con dao, Trần Ngọc T2 mang theo 01 con dao, Trần Ngọc Đ1 mang theo 01 gậy đến quán cà phê H ở Tiểu khu 3 (nay là tổ dân phố 3), thị trấn Neo (nay là thị trấn Nham Biền), huyện Yên Dũng tìm cách trả thù các đối tượng Trần Đức K, sinh năm 1990 ở thôn Ao Gạo, xã Cảnh Thụy và Hoàng Hữu T5, sinh năm 1993 ở Tiểu khu 4 (nay là tổ dân phố 4), thị trấn Neo (nay là thị trấn Nham Biền). Khi đến quán cà phê H, ngoài K, N, T5 còn có anh Phạm Văn Đ3, sinh năm 1994 ở thôn Đ Thắng, xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, cùng một số đối tượng khác. Thấy nhóm Đ, Đ1, T2, T3 cầm hung khí đến, nhóm của K, N, T5, Đ3, H1 dùng ghế, cốc thủy tinh ném. Trần Ngọc Đ cầm 02 con dao nhọn xông đến chém Trần Đức K và Phạm Văn Đ3. Trần Ngọc Đ1 cầm gậy xông vào trong quán đánh Nguyễn Đức H1. Nguyễn Văn T3 và Trần Ngọc T2 mỗi người cầm 1 con dao đi cùng nhằm mục đích tìm đánh những người đã đánh Đ1, nhưng đứng ở cửa quán. Sau đó nhóm của Đ, Đ1, T3 và T2 bỏ chạy.

H1 quả anh Trần Đức K bị thương tích: “Đau hạn chế vận động cánh tay

phải; Vết thương mu bàn tay phải kích thước 6 x 3 cm lóc da đứt gân xương bàn tay phức tạp; Vết thương đỉnh đầu kích thước 5 x 2 cm chảy máu nhiều; CT Scanner sọ não: Hiện không thấy hình ảnh tổn thương trên phim sọ não; XQ: Gãy nền xương bàn III, IV, V bàn tay phải. K điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang từ ngày 18/10/2017 đến ngày 01/11/2017 ra viện. Kết quả giám định: Trần Đức K bị tổn hại sức khỏe là 22%, thương tích do vật sắc gây nên”.

Anh Phạm Văn Đ3 bị thương tích: “Đau hạn chế vận động cẳng tay phải, vết thương phức tạp cẳng tay trái lộ xương gãy gần đứt; Nhiều vết thương vùng lưng kích thước 2 x 1 cm; XQ: Gãy phức tạp 1/3 dưới xương trụ trái, phải điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang từ ngày 18/10/2017 đến ngày 23/10/2017 ra viện; Kết quả giám định: Phạm Văn Đ3 bị tổn hại sức khỏe là 14 %, thương tích do vật sắc gây nên”.

Mặc dù bị cáo Trần Ngọc Đ1 và Trần Ngọc T2 đều kháng cáo cho rằng các bị cáo không phạm tội “Cố ý gây thương tích” như án sơ thẩm đã quy kết. Căn cứ:

- Lời khai của bị cáo Trần Ngọc Đ (bút lục 324- 327; 329- 332);
- Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T3 (bút lục 405- 407);
- Lời khai của bị cáo Trần Ngọc T2 (bút lục 394- 397);
- Lời khai của anh Nguyễn Văn T7(từ bút lục 426 đến bút lục 428);
- Lời khai của anh Trần Xuân D (bút lục 442- 443);
- Hình ảnh lưu trữ trong đĩa DVD- R ký hiệu “Cam 1 và Cam 3”;
- Kết luận giám định số: 582/KL- KTHS ngày 14/5/2020;
- Kết luận giám định tâm thần số: 474/KLGD ngày 17/12/2019 của Bệnh viện pháp y tâm thần trung ương.

- Biên bản làm việc đối với Trần Ngọc Đ (bút lục 969), Trần Ngọc Đ1 (bút lục 971) và Trần Ngọc T2 (bút lục 974 đến bút lục 975).

Hội đồng xét xử thấy lời khai ban đầu các bị cáo có trong hồ sơ trong vụ án, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phù hợp Hình ảnh lưu trữ trong đĩa DVD- R ký hiệu “Cam 1 và Cam 3; Biên bản làm việc đối với các bị cáo Đ, Đ1 và T2 và các vật chứng đã thu giữ.

Bị cáo Đ1 cho rằng bị ép cung 1 lần, bị cáo T2 cho rằng điều tra viên cho ký vào tờ giấy trắng. Các bị cáo Đ1 và T2 không có chứng cứ chứng minh Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Dũng ép cung, mớm cung. Các Biên bản lấy lời khai, Biên bản hỏi cung tại Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát, cuối biên bản các bị cáo đều thừa nhận tự tay viết và ký nhận. Ngoài ra, khi lấy lời khai bị cáo Trần Ngọc Đ1 ngoài điều tra viên còn có mặt Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng (bút lục 365 đến 368).

Tại các Biên bản lấy lời khai, Biên bản hỏi cung, Bản tự khai của các bị cáo và chứng cứ khác đều thể hiện: Đ1 gọi T3 và Đ xuống với ý định đánh lại nhóm thanh

niên, các bị cáo thống nhất vào quán đánh nhóm thanh niên để trả thù, các bị cáo chủ động đeo khẩu trang để không bị phát hiện, Đ1 cầm gậy vào quán đập 1 số đối tượng, cầm gậy vụt vào 02 đối tượng dồn vào góc quầy phía cửa nhà vệ sinh, Đ1 lùi lại thì thấy Đ xông vào chém nhiều nhát vào 2 thanh niên. T3 cầm dao đứng ở cửa quán. T2 cầm dao đi cùng đứng ở cửa quán sau đó đưa cho thanh niên mặc áo đen để sử dụng vào việc đánh nhau. Trần Ngọc Đ1, Trần Ngọc T2 và Nguyễn Văn T3 không trực tiếp gây thương tích cho anh Trần Đức K và anh Phạm Văn Đ3, nhưng Trần Ngọc Đ1 dùng gậy bằng kim loại vào quán đánh anh Trần Đức H1. Đ1 điện thoại cho T3 và Đ đến với mục đích để đánh lại những người đã đánh Đ1 và T2. T3 cầm hung khí đi cùng Trần Ngọc Đ đến quán nhằm mục đích đánh những người trong quán để trả thù. Đến quán, T3 và T2 cầm dao đứng ngoài cửa tạo điều kiện tinh thần cho Đ và Đ1 thực hiện hành vi. Sau khi hai bên xô xát, D chạy ra ngoài, T2 đưa dao cho D.

Như vậy hành vi của các bị cáo Trần Ngọc Đ1, Trần Ngọc T2, Trần Ngọc Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 (thuộc trường hợp “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. (Thuộc các trường hợp dùng hung khí nguy hiểm, phạm tội đối với nhiều người và có tính chất côn đồ quy định tại các điểm a, c, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999). Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo thì thấy:

Đối với kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc Đ xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy:

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Án sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Án sơ thẩm xác định trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo T2 khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Đ đại diện cho ba anh em đứng ra tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại là anh Đ3 số tiền 15.000.000đồng, bồi thường cho anh K số tiền 15.000.000đồng. Bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; là có căn cứ.

Đối với kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc Đ1 và Trần Ngọc T2 cho rằng cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội : “Cố ý gây thương tích” là oan sai. Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ các nhận định, phân tích nêu trên Tòa sơ thẩm xét xử các bị cáo theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc Đ1 và Trần Ngọc T2, Hội đồng xét xử thấy:

Án sơ thẩm xác định các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ: Án sơ thẩm xác định trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo T2 khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Đ1 và T2 tác động nên bị cáo Đ đại diện cho ba anh em đứng ra tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại là anh Đ3 số tiền 15.000.000đồng, bồi thường cho anh K số tiền 15.000.000đồng, bị cáo Đ1 tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm; các bị cáo phạm tội do một phần lỗi của người bị hại. Do vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; đối với bị cáo Đ1 được áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; là có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo Trần Ngọc Đ, Trần Ngọc Đ1 và Trần Ngọc T2 là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân, thể hiện sự coi thường pháp luật của Nhà nước. Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải nghiêm trị bằng pháp luật hình sự, cần lên một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để răn đe và phòng ngừa chung. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Ngọc Đ 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù; Trần Ngọc Đ1 02 (hai) năm 05 (năm) tháng tù và Trần Ngọc T2 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, là tương xứng với hành vi phạm tội đối với các bị cáo.

Tại quá trình xét xử phúc thẩm, các bị cáo Trần Ngọc Đ, Trần Ngọc Đ1 và Trần Ngọc T2 không xuất trình được các tình tiết gì mới, do vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Trần Ngọc Đ cũng như kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc Đ1 và Trần Ngọc T2 cho rằng các bị cáo bị oan không phạm tội như án sơ thẩm đã xét xử được. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc Đ, Trần Ngọc Đ1 và Trần Ngọc T2 không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Trần Ngọc T1.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc Đ, Trần Ngọc Đ1 và Trần Ngọc T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 đối với các bị cáo.

Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc Đ, Trần Ngọc Đ1 và Trần Ngọc T2 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s, t khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc Đ 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 19/10/2017 đến ngày 13/02/2018.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc Đ1 02 (hai) năm 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 19/10/2017 đến ngày 13/02/2018.

- Áp dụng khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T2 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Ngọc T2 cho Ủy ban nhân dân xã Đồng Việt, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể Quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[2].Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trần Ngọc Đ, Trần Ngọc Đ1 và Trần Ngọc T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Gia Lương